

Số: 282/QĐ-CNS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt yêu cầu báo giá
Gói thầu mua chỉ xé

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Căn cứ Quyết định số 3254/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con;

Căn cứ Quyết định số 2872/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên;

Căn cứ Quyết định số 102/QĐ-HĐTV ngày 19 tháng 11 năm 2025, của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-HĐTV ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên về việc ban hành Quy chế về lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên;

Căn cứ Quyết định số 188/QĐ-CNS ngày 06/6/2025 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty về phân công công tác Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH Một thành viên;

Căn cứ Giấy ủy quyền số 127/UQ-CNS ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn TNHH Một thành viên;

Căn cứ Quyết định số 213/QĐ-CNS ngày 26/3/2026 của Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Gói thầu mua chỉ xé;

Căn cứ tờ trình phê duyệt yêu cầu báo giá gói thầu mua chỉ xé số 09.58/NMKH ngày 03/4/2026 của Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội.




QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu mua chỉ xé như hồ sơ đính kèm.

Điều 2. Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội, các Phòng, Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- BAKS, KTNB (để b/c);
- Lưu: VPCQ, NMKH. 

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**




Huỳnh Phương

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Gói thầu mua chỉ xé

Gói thầu số: 01

Dự toán mua sắm: 377.654.400 đồng

Phát hành ngày: 24/04/2026

Ban hành kèm theo Quyết định số 282/QĐ-CNS ngày 24 tháng 04 năm 2026

K.T. GIÁM ĐỐC NM



Nguyễn Thành Tâm

5007
TỔNG
ÔNG NG
RÁCH N
MỘT
NA -

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên.
2. Tên đơn vị mua sắm là: Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội.
3. Đơn vị mua sắm mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) gói thầu mua chỉ xé. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
4. Loại hợp đồng: trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với lĩnh vực dự thầu, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.
5. Hồ sơ năng lực.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a(1) hoặc Mẫu 03b Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giám giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm Đơn vị mua sắm nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;

2. Biểu giá theo Mẫu số 03a(1) Chương III.

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư về:

Tên đơn vị: Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội.

Địa chỉ: Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội, Lô 26 Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi nhận: Phòng Kế hoạch-Kinh doanh.

Người nhận: Bà Lương Trúc Lan. Chức vụ: Phó Phòng Kế hoạch-Kinh doanh.

Số điện thoại: 090 8295447

Không muộn hơn 14 ngày làm việc kể từ ngày phát hành yêu cầu báo giá. Các báo giá được gửi đến Đơn vị mua sắm sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, Đơn vị mua sắm lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Đơn vị mua sắm so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, Đơn vị mua sắm có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường thư điện tử và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên (<https://www.cns.com.vn>).

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, Đơn vị mua sắm sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không yêu cầu

Mục 10. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

366
CỘNG
HIỆP
HIỆM
HÀNH
P. H

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

1. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa

Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp hàng hóa

a. Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại bảng sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	Bảo hành	Số lượng (cuộn)	Các yêu cầu khác (nếu có)
1	Chỉ xé	2mm x 12.000m	12 tháng	1.457	

b. Địa điểm giao hàng: Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội, Lô 26 Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh.

c. Thanh toán:

- Thời gian thanh toán: Bên Mua thanh toán cho Bên Bán trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Bên Mua nhận đủ hàng hóa, đúng chất lượng và chứng từ thanh toán.

- Phương thức thanh toán: Bên Mua thanh toán 100 % Giá trị Phiếu đặt hàng cho Bên Bán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên Bán, theo từng Phiếu đặt hàng cụ thể.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: Gói thầu mua chỉ xé

Kính gửi: Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu Gói thầu mua chỉ xé theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x6)
1	Chỉ xé	Cuộn	1.457			
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)						

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) Đơn vị mua sắm ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (5), (6), (7) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của Đơn vị mua sắm, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có).

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC Số:...../2026/HĐNT/....-CNS

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng thực tế của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2025, tại Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn
- TNHH Một thành viên, các bên gồm có:

BÊN BÁN:

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Điện thoại: - Fax:

Số tài khoản:

Đại diện: - Chức vụ:

BÊN MUA: TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu Thành phố Hồ Chí Minh.

Mã số thuế: 0300713668

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, đăng ký lần đầu ngày 27/8/2010, đăng ký thay đổi lần 13 ngày 08/11/2021).

Điện thoại: 028.38255999 - Fax: 028.38255858.

Số tài khoản: .

Đại diện: - Chức vụ:

Sau khi thỏa thuận, hai bên cùng đồng ý ký kết Hợp đồng nguyên tắc *mua bán chỉ xé trong* (sau đây gọi là “Hợp đồng”) với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG – SỐ LƯỢNG – ĐƠN GIÁ

1. Bên Bán đồng ý bán và Bên Mua đồng ý mua hàng hóa cụ thể như sau:



Stt	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)
1	Chỉ xé				

Đơn giá trên chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng.

2. Nếu có sự biến động về giá nguyên vật liệu làm ảnh hưởng đến giá của hàng hóa mà Bên Bán cung cấp cho Bên Mua, hai bên sẽ thương lượng lại giá, hai bên thống nhất về sự thay đổi giá thì ký Phụ lục Hợp đồng.

ĐIỀU 2. GIÁ TRỊ PHIẾU ĐẶT HÀNG - THANH TOÁN

1. Giá trị Phiếu đặt hàng

a) Giá trị Phiếu đặt hàng được xác định căn cứ vào đơn giá tại Hợp đồng này hoặc Phụ lục Hợp đồng (nếu có) và số lượng hàng hóa thực tế theo từng Phiếu đặt hàng cụ thể được ký kết căn cứ vào Hợp đồng này;

b) Trị giá hàng hóa, thuế giá trị gia tăng của mỗi đợt sẽ được ghi cụ thể trong từng Phiếu đặt hàng được ký kết bởi hai bên;

c) Bên Mua phát hành Phiếu đặt hàng và gửi cho Bên Bán. Bên Bán ký xác nhận Phiếu đặt hàng và gửi lại cho Bên Mua trong vòng **03 (ba)** ngày làm việc kể từ ngày Bên Bán nhận được Phiếu đặt hàng;

2. Phương thức thanh toán

a) Bên Mua thanh toán 100 % Giá trị Phiếu đặt hàng cho Bên Bán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên Bán, theo từng Phiếu đặt hàng cụ thể được ký kết giữa hai bên căn cứ vào Hợp đồng này, Bên Mua chuyển khoản đến số tài khoản của Bên Bán ghi trong Hợp đồng hoặc một số tài khoản khác do Bên Bán chỉ định bằng văn bản (nếu có thay đổi);

b) Thời gian thanh toán: Bên Mua thanh toán cho Bên Bán trong vòng **30 (ba mươi)** ngày kể từ ngày Bên Mua nhận đủ hàng hóa, đúng chất lượng và chứng từ thanh toán;

c) Đồng tiền sử dụng để thanh toán theo Hợp đồng này là Việt Nam Đồng.

3. Hồ sơ thanh toán

Hồ sơ thanh toán bao gồm các loại giấy tờ, tài liệu sau:

- a) Hợp đồng, Phiếu đặt hàng;
- b) Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ;
- c) Biên bản giao nhận hàng hóa hợp lệ;
- d) Biên bản kiểm tra.

ĐIỀU 3. CHẤT LƯỢNG, BẢO HÀNH

1. Chất lượng:

Bên Bán cung cấp hàng hóa đúng theo mẫu, thông số kỹ thuật được Bên Mua chấp nhận.

2. Bảo hành:

a) Hình thức bảo hành: Bên Bán sẽ nhận lại toàn bộ lô hàng nếu bị lỗi kỹ thuật do phía Bên Bán, bồi thường lô hàng mới và chịu toàn bộ chi phí liên quan, ngoại trừ lỗi gây ra bởi người sử dụng của Bên Mua;

b) Thời gian bảo hành: 12 (mười hai) tháng kể từ thời điểm Bên Mua tiếp nhận hàng hóa đạt chuẩn về mẫu và chất lượng.

ĐIỀU 4. ĐÓNG GÓI, DÁN NHÃN

1. Bao bì đóng gói:

2. Quy cách đóng gói: .

3. Nhãn hàng hoá phải thể hiện các nội dung sau: tên nhà sản xuất, tên hàng hoá, quy cách, số lượng, ngày sản xuất, hạn sử dụng.

ĐIỀU 5. PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

1. Địa điểm giao nhận: Bên Bán giao hàng cho Bên Mua tại kho của Bên Mua trừ khi các bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

2. Thời gian giao nhận: Theo Phiếu đặt hàng của Bên Mua.

3. Chi phí vận chuyển hàng: Do Bên Bán chịu.

4. Chi phí bốc xếp: Mỗi bên chịu một đầu tại kho bên mình.

5. Các bên đồng ý việc chuyển giao quyền sở hữu và rủi ro về mất mát, hư hỏng hàng hóa cho Bên Mua tính từ thời điểm hàng hóa được giao đến kho của Bên Mua và được Bên Mua ký xác nhận. Quy định tại điều khoản này không miễn trừ trách nhiệm bảo hành tại Điều 3 và nghĩa vụ của Bên Bán tại Điều 6 Hợp đồng này.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN BÁN

1. Quyền của Bên Bán

a) Yêu cầu Bên Mua thanh toán tiền hàng đầy đủ và đúng hạn theo Điều 2 của Hợp đồng;

b) Được hưởng khoản tiền phạt theo quy định tại Điều 8 của Hợp đồng do Bên Mua vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng.

2. Nghĩa vụ của Bên Bán

a) Xuất hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ cho Bên Mua khi giao hàng hóa;

b) Tạo điều kiện thuận lợi để Bên Mua nhận hàng hóa;

c) Đảm bảo hàng hóa đúng chủng loại, chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật; đảm bảo hàng hoá mới 100%;



d) Giao hàng đầy đủ số lượng theo hóa đơn, đúng quy cách, chất lượng đã thống nhất theo từng Phiếu đặt hàng trên cơ sở các nội dung thỏa thuận tại Điều 1 Hợp đồng này;

đ) Thực hiện đúng các cam kết được ghi trong Hợp đồng.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN MUA

1. Quyền của Bên Mua

a) Yêu cầu Bên Bán giao hàng hóa đúng số lượng theo hóa đơn, đúng quy cách, chất lượng đã thống nhất theo từng Phiếu đặt hàng trên cơ sở các nội dung thỏa thuận tại Điều 1 Hợp đồng này;

b) Yêu cầu Bên Bán thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận quy định tại Hợp đồng;

c) Được hưởng khoản tiền phạt vi phạm khi Bên Bán vi phạm nghĩa vụ giao hàng hoặc nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng.

2. Nghĩa vụ của Bên Mua

a) Cam kết mua và nhận hết số lượng hàng hóa đã đặt mua theo từng Phiếu đặt hàng trên cơ sở các nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng này;

b) Đảm bảo thanh toán đúng thời hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng này;

c) Hỗ trợ Bên Bán lúc giao nhận hàng; cử người kiểm tra số lượng, chất lượng, quy cách, chủng loại hàng hóa khi nhận hàng hóa;

d) Thực hiện đúng các cam kết được ghi trong Hợp đồng.

ĐIỀU 8. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI - PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

1. Khi một bên thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này mà gây thiệt hại (bao gồm cả thiệt hại trực tiếp và thiệt hại gián tiếp) cho bên kia thì bên gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm bồi thường.

2. Trường hợp Bên Mua thanh toán không đúng hạn như quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này, Bên Mua sẽ bị phạt với mức phạt theo lãi suất quá hạn do công bố tại thời điểm vi phạm tính trên số tiền và số ngày chậm thanh toán nhưng tổng mức phạt không quá 8% giá trị chậm thanh toán.

3. Trường hợp Bên Bán giao hàng trễ so với thời hạn quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này, Bên Bán sẽ bị phạt với mức phạt theo lãi suất quá hạn do công bố tại thời điểm vi phạm tính trên giá trị hàng hóa giao chậm và số ngày giao trễ hạn nhưng tổng mức phạt không quá 8% giá trị hàng hoá giao chậm.

4. Phạt vi phạm 8% giá trị Phiếu đặt hàng theo từng đợt áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Khi một bên thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng;

b) Khi một bên tự ý chấm dứt Hợp đồng đã có hiệu lực mà không thuộc trường hợp được loại trừ trách nhiệm quy định tại Điều 9 của Hợp đồng này hoặc việc chấm dứt Hợp đồng không phải do lỗi của bên kia.

ĐIỀU 9. LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

1. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng làm cho mỗi bên không thể thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại của mỗi bên được loại trừ.

2. Sự kiện bất khả kháng là các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn ở các sự kiện như thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, tai nạn, thảm họa, hạn chế về dịch bệnh, nhiễm hạt nhân hoặc phóng xạ, chiến tranh, nội chiến, khởi nghĩa, đình công hoặc bạo loạn, can thiệp của Chính phủ

3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, mỗi bên phải nhanh chóng thông báo cho bên kia bằng văn bản về việc không thực hiện được nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng trong thời gian 03 (ba) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng bằng hình thức chuyển trực tiếp thư bảo đảm cho bên kia các bằng chứng về việc xảy ra sự kiện bất khả kháng và khoảng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng đó.

4. Khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, thì nghĩa vụ của các bên tạm thời không thực hiện và sẽ ngay lập tức phục hồi lại các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng khi chấm dứt sự kiện bất khả kháng hoặc khi sự kiện bất khả kháng đó bị loại bỏ.

ĐIỀU 10. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

1. Các trường hợp chấm dứt Hợp đồng

a) Hợp đồng hết hiệu lực và hai bên không gia hạn Hợp đồng;

b) Hai bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn, khi có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn, bên có nhu cầu sẽ gửi đề nghị bằng văn bản cho bên kia. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thì bên nhận được đề nghị phải có phản hồi bằng văn bản đối với đề nghị của bên kia;

c) Sau khi hai bên hoàn thành tất cả nghĩa vụ theo Hợp đồng và ký Biên bản thanh lý Hợp đồng.

2. Thanh lý Hợp đồng

a) Sau khi Hợp đồng hết hiệu lực, hai bên tiến hành đối soát, kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ của mỗi bên theo Hợp đồng, làm cơ sở cho việc thanh lý Hợp đồng.

b) Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày các bên đã hoàn thành tất cả nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, các bên phải ký Biên bản thanh lý Hợp đồng. Biên bản



thanh lý Hợp đồng được lập thành 06 (sáu) bản, Bên Mua giữ 04 (bốn) bản, Bên Bán giữ 02 (hai) bản.

ĐIỀU 11. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

1. Hai bên cam kết nghiêm túc thực hiện các điều khoản đã quy định trong Hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có các vấn đề phát sinh thì cùng nhau thương lượng, giải quyết theo nguyên tắc các bên cùng có lợi.

2. Khi phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này các bên thống nhất lựa chọn Tòa án có thẩm quyền để giải quyết để giải quyết tranh chấp.

ĐIỀU 12. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Hai bên tham gia ký kết Hợp đồng này trên cơ sở quan hệ bình đẳng và cùng có lợi theo đúng các quy định của pháp luật.

2. Các nội dung trong bản Hợp đồng nguyên tắc này chỉ được sửa đổi khi có sự thỏa thuận của hai bên và được thể hiện bằng Phụ lục Hợp đồng và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

3. Các nội dung hợp tác, mua bán hàng hóa cụ thể theo từng thời điểm sẽ được cụ thể hóa trong các bản Phiếu đặt hàng cụ thể.

4. Điều khoản nào trong Phiếu đặt hàng mâu thuẫn với các điều khoản trong Hợp đồng này thì sẽ ưu tiên áp dụng thực hiện theo các điều khoản được quy định trong Hợp đồng này.

5. Các tài liệu có liên quan và gắn liền với Hợp đồng này bao gồm:

a) Các Phiếu đặt hàng cụ thể theo từng thời điểm trong thời gian Hợp đồng nguyên tắc này có hiệu lực;

b) Các văn bản, tài liệu khác phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng này.

ĐIỀU 13. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày

2. Hợp đồng này gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 06 (sáu) bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau; Bên Bán giữ 02 (hai) bản, Bên Mua giữ 04 (bốn) bản để theo dõi và thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

ĐẠI DIỆN BÊN MUA